



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC**  
**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

## BÁO CÁO CÂN ĐỐI NĂM 2016

Đơn vị: Triệu đồng (chưa bao gồm thuế GTGT)

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bàn đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:* 18.600.000.000 đồng

*Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2016:* 18.600.000.000 đồng

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 04.9711404 - 8213786
- Website: [www.bandotranhanh.vn](http://www.bandotranhanh.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### *Nhân sự*

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối niên độ kế toán là 49 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

- |                           |              |  |
|---------------------------|--------------|--|
| • Ông Phan Xuân Thành     | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016                               |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 23/05/2011<br>Miễn nhiệm ngày 14/04/2016 |
|                           | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 23/05/2011                               |
| • Ông Ngô Trọng Vinh      | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2016                           |
|                           | Thường trực  |  |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà     | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016                               |
| • Ông Lê Phú              | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 23/05/2011<br>Miễn nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Đặng Thị Như         | Ủy viên      | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2016                           |

### *Ban Kiểm soát*

- |                           |            |  |
|---------------------------|------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Trà Giang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016                                   |
| • Ông Phạm Văn Hải        | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 14/04/2016     |
| • Bà Nguyễn Tuyết Quỳnh   | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016                                   |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng  | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016                                   |
| • Ông Nguyễn Mạnh Hùng    | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Lương Thị Thanh Xuân | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 28/04/2012<br>Miễn nhiệm ngày 14/04/2016     |

### *Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                           |                |                              |
|---------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016 |
| • Ông Lê Phú              | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016 |
| • Bà Đặng Thị Như         | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016 |

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Nguyễn Thị Hồng Loan**  
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC  
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính  
Lô 75-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887  
Email: aac@dnng.vn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đơn)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 171/2017/BCKT-AAC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/02/2017 từ trang 5 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Lưu Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 1031-2013-010-1  
Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2017

**Huỳnh Thu Trang - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 2298-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.598.326.024</b>	<b>34.849.090.340</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>17.757.539.551</b>	<b>16.380.866.810</b>
1. Tiền	111	5	3.757.539.551	6.380.866.810
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	14.000.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.519.147.859</b>	<b>12.831.255.065</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.933.360.374	13.332.561.180
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.308.182	98.353.079
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	55.722.760	51.213.358
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(476.243.457)	(650.872.552)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>5.301.254.965</b>	<b>5.627.417.603</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.123.523.266	7.450.287.034
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.822.268.301)	(1.822.869.431)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.383.649</b>	<b>9.550.862</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.383.649	9.550.862
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.551.194.209</b>	<b>1.174.904.540</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>400.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	400.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>534.487.610</b>	<b>741.510.986</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	534.487.610	741.510.986
- Nguyên giá	222		3.488.870.569	3.488.870.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.954.382.959)	(2.747.359.583)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	1.000.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.706.599</b>	<b>33.393.554</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	16.706.599	33.393.554
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>37.149.520.233</b>	<b>36.023.994.880</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.735.103.586</b>	<b>5.940.695.174</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.735.103.586</b>	<b>5.940.695.174</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.472.076.123	2.480.478.185
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		107.974.654	56.638.334
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	128.178.269	156.320.088
4. Phải trả người lao động	314		2.443.901.614	2.609.303.411
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		45.000.000	20.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	377.569.302	364.501.532
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		160.403.624	253.453.624
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.414.416.647</b>	<b>30.083.299.706</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	17	<b>30.414.416.647</b>	<b>30.083.299.706</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	17	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	17	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	9.165.250.210	8.834.133.269
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17	6.370.133.269	5.913.415.451
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17	2.795.116.941	2.920.717.818
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>37.149.520.233</b>	<b>36.023.994.880</b>



Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	59.310.458.418	51.999.721.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.047.228.709	846.644.691
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		58.263.229.709	51.153.077.200
4. Giá vốn hàng bán	11	20	42.970.461.148	37.639.920.011
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>15.292.768.561</b>	<b>13.513.157.189</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	474.640.067	331.210.145
7. Chi phí tài chính	22		2.196.018	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	22a	7.021.641.289	4.943.437.092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22b	5.027.722.807	5.179.433.887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>3.715.848.514</b>	<b>3.721.496.355</b>
11. Thu nhập khác	31	23	34.567.491	80.977.599
12. Chi phí khác	32	24	106.771.551	35.038.802
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(72.204.060)</b>	<b>45.938.797</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>3.643.644.454</b>	<b>3.767.435.152</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	848.527.513	846.717.334
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>2.795.116.941</b>	<b>2.920.717.818</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.588	1.659
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	1.588	1.659



Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.643.644.454	3.767.435.152
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11	207.023.376	320.220.186
- Các khoản dự phòng	03		(175.230.225)	(98.872.931)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	21	(474.640.067)	(331.210.145)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		3.200.797.538	3.657.572.262
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		501.926.166	(595.735.184)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10	326.763.768	2.281.657.987
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		918.014.025	(815.492.062)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13	16.686.955	(16.788.652)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(879.236.076)	(873.701.183)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(97.050.000)	(193.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>3.991.902.376</u>	<u>3.443.693.168</u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(600.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8; 21	448.617.415	321.760.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(151.382.585)</u>	<u>321.760.603</u>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16	(2.463.847.050)	(2.465.366.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(2.463.847.050)</u>	<u>(2.465.366.301)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		<u>1.376.672.741</u>	<u>1.300.087.470</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5; 6	16.380.866.810	15.080.779.340
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5; 6	<u>17.757.539.551</u>	<u>16.380.866.810</u>



Nguyễn Thị Hồng Loan

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bàn đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay Chi nhánh nào.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Tài sản cố định hữu hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

**4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí tem chống lậu, bìa nhựa phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.6 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4.7 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

**Cổ phiếu Quỹ**

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.8 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.9 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.11 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.12 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.13 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD-Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	185.850.000	282.868.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.571.689.551	6.097.998.810
<b>Cộng</b>	<b>3.757.539.551</b>	<b>6.380.866.810</b>

### 6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	14.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	1.416.061.998	1.355.549.960
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thái Nguyên	1.241.709.880	1.377.756.348
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	1.071.803.240	1.109.985.120
Nhà sách Quảng Lợi	-	919.091.574
Các đối tượng khác	9.203.785.256	8.570.178.178
<b>Cộng</b>	<b>12.933.360.374</b>	<b>13.332.561.180</b>

### Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	1.071.803.240	1.109.985.120
Công ty Cổ phần Học liệu	523.393.160	564.848.720
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	561.040.544	221.082.510
Các đối tượng khác	1.146.634.572	451.270.041
<b>Cộng</b>	<b>3.302.871.516</b>	<b>2.347.186.391</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu khác

#### Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	45.922.194	-	19.899.542	-
Phải thu thuế TNCN	1.247.908	-	10.068.644	-
Phải thu khác	8.552.658	-	21.245.172	-
<b>Cộng</b>	<b>55.722.760</b>	<b>-</b>	<b>51.213.358</b>	<b>-</b>

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	476.243.457	650.872.552
- Từ 3 năm trở lên	218.467.200	364.758.347
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	159.896.592	168.243.908
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	97.879.665	117.870.297
<b>Cộng</b>	<b>476.243.457</b>	<b>650.872.552</b>

#### Trong đó: Nợ xấu

	Giá gốc	31/12/2016		
		Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng				
- Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La	165.000.000	-	> 3 năm	Không có khả năng thu hồi, do khách hàng thay đổi chủ sở hữu
- Công ty CP Sách TNGD Thăng Long	53.467.200	-	> 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>218.467.200</b>	<b>-</b>		

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.444.772	-	4.711.414	-
Thành phẩm	4.594.726.104	1.463.003.708	4.839.388.192	1.449.575.583
Hàng hóa	2.512.352.390	359.264.593	2.606.187.428	373.293.848
<b>Cộng</b>	<b>7.123.523.266</b>	<b>1.822.268.301</b>	<b>7.450.287.034</b>	<b>1.822.869.431</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2016 là 1.376.142.517 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2016.

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	342.503.748	2.486.967.700	659.399.121	3.488.870.569
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>342.503.748</b>	<b>2.486.967.700</b>	<b>659.399.121</b>	<b>3.488.870.569</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	342.503.748	1.745.456.714	659.399.121	2.747.359.583
Khấu hao trong năm	-	207.023.376	-	207.023.376
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>342.503.748</b>	<b>1.952.480.090</b>	<b>659.399.121</b>	<b>2.954.382.959</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	741.510.986	-	741.510.986
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>534.487.610</b>	<b>-</b>	<b>534.487.610</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 2.246.730.297 đồng.
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý là 463.756.053 đồng.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016				
Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác		1.000.000.000	-	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	100.000	1.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Công ty không có nguồn dữ liệu đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này. Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	15.888.889	32.579.292
Tem chống in lậu	817.710	814.262
<b>Cộng</b>	<b>16.706.599</b>	<b>33.393.554</b>

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
XN Bàn đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bàn đồ Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	457.962.824	513.089.569
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	847.370.285	434.543.901
Các đối tượng khác	1.459.664.351	706.779.970
	707.078.663	826.064.745
<b>Cộng</b>	<b>3.472.076.123</b>	<b>2.480.478.185</b>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Sách và TBTH TP. HCM	1.459.664.351	706.779.970
Các đối tượng khác	13.880.000	10.416.000
<b>Cộng</b>	<b>1.473.544.351</b>	<b>717.195.970</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	225.231.587	225.231.587	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.681.843	848.527.513	879.236.076	45.973.280
Thuế thu nhập cá nhân	79.638.245	514.087.100	511.520.356	82.204.989
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	94.816.429	94.816.429	-
<b>Cộng</b>	<b>156.320.088</b>	<b>1.685.662.629</b>	<b>1.713.804.448</b>	<b>128.178.269</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	168.154.550	149.116.388
Thù lao HĐQT, BKS	16.888.301	67.738.301
Thuế TNCN thu thừa	189.351.391	144.619.491
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.666.060	1.513.110
Phải trả khác	1.509.000	1.514.242
<b>Cộng</b>	<b>377.569.302</b>	<b>364.501.532</b>

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	5.976.518.853
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.920.717.818
Giảm trong năm	-	-	-	-	63.103.402
Số dư tại 31/12/2015	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>8.834.133.269</b>
Số dư tại 01/01/2016	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	8.834.133.269
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.795.116.941
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.464.000.000
Số dư tại 31/12/2016	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>9.165.250.210</b>

#### b. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	8.834.133.269	5.976.518.853
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	2.795.116.941	2.920.717.818
Phân phối lợi nhuận	2.464.000.000	63.103.402
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	2.464.000.000	63.103.402
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	63.103.402
+ Chia cổ tức	2.464.000.000	-
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>9.165.250.210</b>	<b>8.834.133.269</b>

(\*) Lợi nhuận năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 14/04/2016.

**18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán sách tham khảo	6.232.120	6.960.230
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	34.920.229.407	34.767.131.316
Doanh thu phim, băng đĩa	84.393.100	57.622.568
Doanh thu thiết bị giáo dục	24.299.466.648	17.167.219.673
Doanh thu khác	137.143	788.104
<b>Cộng</b>	<b>59.310.458.418</b>	<b>51.999.721.891</b>

**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016	Năm 2015
Chiết khấu thương mại	584.936.676	476.100.638
Giảm giá hàng bán	4.895.579	-
Hàng bán bị trả lại	457.396.454	370.544.053
<b>Cộng</b>	<b>1.047.228.709</b>	<b>846.644.691</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách tham khảo	8.549.153	3.076.078
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	23.382.872.948	23.257.137.651
Giá vốn phim, băng đĩa	75.457.482	49.281.134
Giá vốn thiết bị giáo dục	19.475.076.366	14.223.882.766
Giá vốn khác	29.106.329	591.078
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(601.130)	105.951.304
<b>Cộng</b>	<b>42.970.461.148</b>	<b>37.639.920.011</b>

### 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	474.640.067	331.210.145
<b>Cộng</b>	<b>474.640.067</b>	<b>331.210.145</b>

### 22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương nhân viên bán hàng	2.574.198.394	2.006.130.036
Chi phí bốc xếp vận chuyển	958.626.879	722.943.505
Chi phí hoa hồng môi giới	1.614.157.579	500.027.998
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	549.178.909	630.628.908
Các khoản khác	1.325.479.528	1.083.706.645
<b>Cộng</b>	<b>7.021.641.289</b>	<b>4.943.437.092</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương	2.863.475.182	2.830.894.753
Chi phí thuê nhà	310.786.363	234.245.454
Chi phí giao dịch, hội nghị	660.428.267	699.873.388
Các khoản khác	1.193.032.995	1.414.420.292
<b>Cộng</b>	<b>5.027.722.807</b>	<b>5.179.433.887</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	326.292.500
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>326.292.500</b>

### 23. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê	33.789.023	78.487.038
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	363.636	713.636
Các khoản khác	414.832	1.776.925
<b>Cộng</b>	<b>34.567.491</b>	<b>80.977.599</b>

### 24. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Phạt và truy thu thuế	86.522.878	538.177
Xử lý hàng thiếu do kiểm kê	19.026.014	33.057.300
Các khoản khác	1.222.659	1.443.325
<b>Cộng</b>	<b>106.771.551</b>	<b>35.038.802</b>

### 25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.643.644.454	3.767.435.152
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	174.620.378	81.280.000
- Điều chỉnh tăng	174.620.378	81.280.000
+ Chi phí không hợp lệ	86.522.878	49.000.000
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	88.097.500	32.280.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.818.264.832	3.848.715.152
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>848.527.513</b>	<b>846.717.334</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	763.652.966	846.717.334
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	84.874.547	-



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.795.116.941	2.920.717.818
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.795.116.941	2.920.717.818
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.760.000	1.760.000
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>1.588</b>	<b>1.659</b>

(\*) Điều lệ cũng như Đại hội cổ đông Công ty không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu 2016 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này.

### 27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.319.964.066	1.976.804.925
Chi phí nhân công	10.302.534.077	9.920.744.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.023.376	320.220.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.498.404.354	18.003.857.086
Chi phí khác bằng tiền	3.677.737.236	2.533.928.860
<b>Cộng</b>	<b>36.005.663.109</b>	<b>32.755.555.273</b>

### 28. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển 400 triệu đồng từ khoản mục "Phải thu dài hạn khác" sang khoản "Đầu tư dài hạn khác" vào Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam" theo Biên bản bù trừ.

### 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bàn đồ, tranh ảnh và các sản phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 30. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường về giá, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó....

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.472.076.123	-	3.472.076.123
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Phải trả khác	209.414.752	-	209.414.752
<b>Cộng</b>	<b>3.726.490.875</b>	<b>-</b>	<b>3.726.490.875</b>
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.480.478.185	-	2.480.478.185
Chi phí phải trả	20.000.000	-	20.000.000
Phải trả khác	215.385.144	-	215.385.144
<b>Cộng</b>	<b>2.715.863.329</b>	<b>-</b>	<b>2.715.863.329</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.757.539.551	-	17.757.539.551
Phải thu khách hàng	12.457.116.917	-	12.457.116.917
Phải thu khác	55.722.761	-	55.722.761
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.270.379.229</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>31.270.379.229</b>
<u>01/01/2016</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.380.866.810	-	16.380.866.810
Phải thu khách hàng	12.681.688.628	-	12.681.688.628
Phải thu khác	51.213.358	400.000.000	451.213.358
<b>Cộng</b>	<b>29.113.768.796</b>	<b>400.000.000</b>	<b>29.513.768.796</b>

**31. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam  
 (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")  
 Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội  
 Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Cần Thơ  
 Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội  
 Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh  
 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội  
 Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh  
 Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng  
 Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông  
 Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung  
 Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc

Công ty đầu tư  
 Công ty đầu tư  
 Công ty đầu tư  
 Chung Công ty đầu tư  
 Chung Công ty đầu tư  
 Chung Công ty đầu tư  
 Chung Công ty đầu tư  
 Chung Công ty đầu tư  
 Chung Công ty đầu tư  
 Chung Công ty đầu tư  
 Chung Công ty đầu tư

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm**

	<b>Giao dịch</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.333.929.320	1.535.217.440
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh	2.356.571.392	2.917.734.592
Công ty cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	3.281.296.080	3.144.257.614
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	3.740.837.560	3.701.628.003
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	899.842.000	825.322.550
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Mua thiết bị Giáo dục	7.688.495.999	4.220.951.185

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***c. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**

	Năm 2016	Năm 2015
Thù lao Hội đồng quản trị	117.400.000	87.900.000
Tiền lương Ban Giám đốc	638.298.904	808.967.447

**32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Công ty đã thông báo về chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức bằng tiền là 13%, ngày chốt quyền nhận cổ tức là 08/03/2017. Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**33. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang